

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/06/2020
V/v: Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh

Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 06 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXX ST- HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1987 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn Quyền, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lê Thị L – sinh năm 1994 (Vắng mặt)

HKTT: Thôn Quyền, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: thôn Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 03/02/2020 và bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày: anh và chị Lê Thị L kết hôn ngày ngày 10/05/2015, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, hạnh phúc được 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ 13/08/2019 (âm lịch) vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, anh đã xuống gặp để đón mẹ con chị L về nhưng chị L không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh làm đơn đề nghị Tòa án

nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Văn Khánh, sinh ngày 01/04/2017 và Hà Văn Toàn, sinh ngày 02/11/2018, hiện nay con chung đang ở cùng chị L. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung Hà Văn Khánh, chị L nuôi con chung Hà Văn Toàn không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác:* Anh xác định vợ chồng không có, ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Hà Văn T kết hôn với nhau ngày 10/5/2016, trước khi kết hôn vợ chồng được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay và sống chung với bố, mẹ chồng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong sinh hoạt hàng ngày vợ chồng có mâu thuẫn với nhau. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11/2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, anh T đề nghị ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là Hà Văn Khánh, sinh ngày 01/04/2017 và Hà Văn Toàn, sinh ngày 02/11/2018, hiện nay cả hai con chung đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định pháp luật. Hiện nay chị không mang thai.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn T được ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con chung: Giao anh Hà Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Văn Khánh, sinh ngày 01/04/2017, chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Văn Toàn, sinh ngày 01/11/2018. Anh T, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con

chung cho nhau. Anh T, chị L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Hà Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003566 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh Hà Văn T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2020 của anh Hà Văn T xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà chị Lê Thị L vắng mặt mặc dù chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật để xét xử vụ án.

[2].*Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị L kết hôn với nhau ngày 10/05/2016 trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh T làm dâu ngay, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Hơn nữa địa phương cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L không thể hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ được. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị L và chị L cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy, HĐXX nhận thấy thuận vợ chồng giữa anh T và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh T được ly hôn với chị L là có căn cứ.

[3].*Về con chung*: Anh T và chị L đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Văn Khánh, sinh ngày 01/04/2017 và cháu Hà Văn Toàn, sinh ngày 02/11/2018. Hiện nay cả hai con chung đều đang ở với chị L, ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con chung Hà Văn Khánh còn chị L đề nghị được nuôi cả hai con chung là Hà Văn Khánh và Hà Văn Toàn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về điều kiện sinh sống của anh T và chị L thì thấy. Hiện tại chị L đang nuôi dưỡng hai con chung nhưng chị không có chỗ ở mà phải đi thuê trọ, nghề nghiệp hiện tại của chị là công nhân thì việc giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng là không đảm bảo cho việc chăm sóc và sinh hoạt của hai cháu được. Bên cạnh đó, anh T hiện đang sống cùng bố mẹ anh T cũng có công việc và thu nhập để đảm bảo điều kiện nuôi con. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giao cho anh T và chị L mỗi người nuôi một con chung và không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi

con chung cho bên nào là có căn cứ. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy nguyện vọng của anh T là phù hợp vì cháu Khánh đã trên ba tuổi thì giao cho anh T được nuôi dưỡng cháu Khánh là phù hợp còn cháu Toàn chưa đủ ba tuổi thì cần giao cho chị L là đúng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh T, chị L xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[5]. Về án phí: anh Hà Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn T được ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con chung: Giao cho anh Hà Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Văn Khánh, sinh ngày 01/04/2017; Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Văn Toàn, sinh ngày 02/11/2018. Anh T, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến, anh Hà Văn T và chị Lê Thị L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Hà Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003566 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh Hà Văn T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa;
- đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN

